TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2022/DS-ST
Ngày: 12-8-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN-TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Dương
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tòng
Ông Lê Minh Thư

-***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Thanh Hưng là thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long:*** *không tham gia phiên tòa*

Hôm nay, ngày 12 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 100/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2022 về việc " Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXX-ST, ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

- Địa chỉ trụ sở: Số 266 – 268, N, Phường V, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh.
- Địa chỉ nhận Thông báo, Giấy triệu tập và các Quyết định của Tòa án: Số 15, Tổ 19, Khóm T Thị trấn T, H, tỉnh Vĩnh Long.
- Đại diện pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D,** chức vụ: Tổng giám đốc.
- Đại diện ủy quyền: Ông **Nguyễn Thanh T,** chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S – Chi Nhánh B
- Ông **Nguyễn Thanh T** là người đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 3162/2021/QĐ-PL, ngày 27/12/2021 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S

2.Bị đơn: Bà **Trương Thị Thu V** **Sinh năm: 1974**
Địa chỉ thường trú: Số 3202 A, tổ 23, ấp T, xã T, thị xã B tỉnh Vĩnh Long.
Địa chỉ tạm trú: Tổ 13 khóm T, Thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long
Đơn vị công tác: Trường Tiểu Học T (khóm T, Thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long)

Ông **Huỳnh Tấn H** **Sinh năm: 1970**
Địa chỉ thường trú: Số 3202 A, tổ 23, ấp T, xã T, thị xã B tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai ngày 11/3/2022 của nguyên đơn và trong quá trình xét xử đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/02/2020, Bà Trương Thị Thu V và Ông Huỳnh Tấn H có ký kết hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ với Ngân hàng TMCP S, chi tiết khoản vay như sau:

- Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD2003900028 ký ngày 08/02/2020.
- Số tiền vay: **150.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng)*.
- Mục đích vay: Tiêu dùng.
- Thời hạn vay: 05 năm - Thời điểm trả hết nợ: 08/02/2025 (# 60 tháng)
- Lãi suất áp dụng: 10,8 %/năm
- Phương thức trả nợ: Vốn gốc và lãi trả hàng tháng theo phương thức góp đều.
- Biện pháp bảo đảm: Cho vay không tài sản đảm bảo.

Trong quá trình vay, từ ngày giải ngân đầu tiên đến nay bà Trương Thị Thu n và ông Huỳnh Tấn H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn lãi tổng cộng là: **73.273.607 đồng** tương đương 19 kỳ vốn (trong đó vốn gốc: 47.500.000 đồng, lãi vay: 25.773.607 đồng). Do bà Trương Thị Thu V và ông Huỳnh Tấn H thường xuyên thanh toán trễ hạn và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ (quy định tại Điều 3) theo Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ đã ký. Nên đến ngày 10/10/2021 Ngân hàng TMCP S – CN B đã chuyển toàn bộ dư nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà Nước. Khi phát sinh quá hạn, áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn bằng **150%** lãi suất ghi trên Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ và tiến hành các biện pháp khởi kiện để xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ vay theo quy định.

Tính đến ngày 12/8/2022, bà Trương Thị Thu V và ông Huỳnh Tấn H còn nợ khoản vay đối với hợp đồng tín dụng số LD2003900028 ngày 08/02/2020 như sau:

Dư nợ gốc: 102.500.000đ
Lãi trong hạn: 14.850.000đ
Lãi quá hạn: 2.036.250đ
Lãi phạt quá hạn: 667.907đ
Tổng cộng: 120.054.157đ

(Một trăm hai mươi triệu không trăm năm mươi bốn nghìn một trăm năm mươi bảy đồng)

Ngày 25/06/2018, Ngân hàng TMCP S (Ngân hàng) có ký với bà Trương Thị Thu V giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng. Căn cứ thu nhập của bà Trương Thị Thu V, Ngân hàng đã đồng ý cấp **01** thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng: 18.000.000 đồng, số thẻ: 356480 – 7072.

Thẻ tín dụng của bà Trương Thị Thu V có thời hạn sử dụng là 03 năm. Lãi suất trong hạn áp dụng khi cấp thẻ là **1,25%/tháng,** với mục đích tiêu dùng cá nhân. Khi phát sinh quá hạn, áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn bằng **150%** lãi suất ghi trên Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và tiến hành các biện pháp khởi kiện để thu hồi nợ vay theo quy định.

Quá trình giao dịch được thể hiện chi tiết trên bản sao kê quá hạn thẻ, thứ tự thanh toán thẻ tín dụng căn cứ theo điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà Trương Thị Thu V không có thiện chí trả nợ. Do bà Trương Thị Thu V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngày 22/02/2022 Ngân hàng đã tạm khóa lần lượt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản điều

khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 12/8/2022, bà Trương Thị Thu V còn nợ số tiền như sau:

Dư nợ gốc: 19.529.908đ

Lãi quá hạn 3.329.536đ

Tổng cộng: 22.859.344đ

(Hai mươi hai triệu tám trăm năm mươi chín nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng)

Tổng dư nợ Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ và Thẻ tín dụng (Tính đến ngày 12/8/2022):

Dư nợ gốc: 122.029.808đ

Lãi trong hạn: 14.850.000đ

Lãi quá hạn: 5.365.786đ

Lãi phạt quá hạn: 667.907đ

Tổng cộng: 142.913.501đ

(Một trăm bốn mươi hai triệu chín trăm mười ba nghìn năm trăm lẻ một đồng)

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần liên hệ làm việc với bà Trương Thị Thu V và ông Huỳnh Tấn H cùng tìm hướng giải quyết khoản vay nhưng bà Trương Thị Thu V và ông Huỳnh Tấn H cố tình không hợp tác. Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để khách hàng trả nợ, tuy nhiên đến nay khách hàng vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, Ngân hàng TMCP S kính yêu cầu Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn như sau:

Tuyên chấm dứt Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD2003900028 ký ngày 08/02/2020 trước thời hạn vì khách hàng đã vi phạm hợp đồng mà Ngân hàng TMCP S quy định.

Buộc bà Trương Thị Thu V và ông Huỳnh Tấn H phải trả cho Ngân hàng TMCP S – CN B tổng số tiền tính đến ngày 12/8/2022 đối với Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ và Thẻ tín dụng là 142.913.501đ *(Một trăm bốn mươi hai triệu chín trăm mười ba nghìn năm trăm lẻ một đồng).* Trong đó vốn gốc: 122.029.808 đồng, lãi trong hạn: 14.850.000đ, lãi quá hạn: 5.365.786đ , lãi phạt quá hạn: 667.907đ và lãi phát sinh được tiếp tục tính từ ngày 13/8/2022 trên dư nợ gốc, đến khi thanh toán xong nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD2003900028 ký ngày 08/02/2020 và Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 25/06/2018

Buộc bà Trương Thị Thu V và ông Huỳnh Tấn H là bên vi phạm Hợp đồng phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí.

Bị đơn bà Trương Thị Thu V, ông Huỳnh Tấn H từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm bà V, ông H hoàn toàn không có ý kiến hay văn bản gì gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: xét theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của người đại diện tham gia tố tụng của Ngân hàng TMCP S, kèm theo các

tài liệu chứng cứ giao nộp thì đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 16 Điều 4 và khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt cho bà Trương Thị Thu V, ông Huỳnh Tấn H thông báo thụ lý vụ án, phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vào các ngày 21/6/2022, ngày 06/7/2022. Đồng thời, tòa án cũng triệu tập bà Trương Thị Thu V, ông Huỳnh Tấn H tham gia phiên tòa vào các ngày 22/7/2022, 12/8/2022, bà Trương Thị Thu V đều vắng mặt tại thời điểm tống đạt. Tuy nhiên, căn cứ vào điểm a, khoản 2, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì trong "Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD2003900028 ký ngày 08/02/2020 và Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 25/06/2018" có ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho người khởi kiện biết thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Do đó, theo quy định tại Khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng Dân sự bà Trương Thị Thu V vắng mặt tại các phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vào các ngày 21/6/2022, ngày 06/7/2022 thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Đồng thời, bà Trương Thị Thu V, ông Huỳnh Tấn H được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 22/7/2022, 12/8/2022 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bị đơn là đảm bảo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số: LD2003900028 ký ngày 08 tháng 02 năm 2020 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký vào ngày 25/6/2018 do Ngân hàng TMCP S giao nộp là hợp pháp đảm bảo đầy đủ các điều kiện về mặt nội dung, hình thức của hợp đồng.

Trong hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số: LD2003900028 ký ngày 08 tháng 02 năm 2020 có nội dung bà Trương Thị Thu V và ông Huỳnh Tấn H vay số tiền **150.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng)*, hợp đồng có tên và chữ ký của bà Trương Thị Thu V và ông Huỳnh Tấn H, kèm theo là chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà V và ông H. Ngân hàng đã giải ngân cho bà V, ông H số tiền 150.000.000 đồng. Theo hợp đồng thì sau khi vay tiền của Ngân hàng, hàng tháng bà V và ông H phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho ngân hàng số tiền là 3.850.000đồng, tháng cuối cùng 3.850.000 đồng, bắt đầu từ ngày 29/02/2020. Số tiền mà ngân hàng yêu cầu bà Vân, ông H trả hàng tháng là bao gồm tiền gốc và tiền lãi mà mỗi tháng bà V, ông H phải trả. Bà V, ông H đã thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng được 19 kỳ với tổng số tiền đã trả 73.273.607 đồng, sau 10/10/2021 đến nay thì bà V, ông H không thanh toán nợ gốc và lãi theo cam kết.

Xét giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký vào ngày 25/6/2018, ngân hàng đã cấp cho bà V số tiền là 18.000.000đ. Quá trình giao dịch bà V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngân hàng đã tạm khóa và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Chi tiết khoản vay được thể hiện trên bản sao kê quá hạn thẻ, theo đó thì bà Vân còn nợ lại ngân hàng dư nợ gốc là 19.529.908đ, lãi quá hạn tính đến ngày 12/8/2022 là 3.329.536đ.

Tòa án nhân huyện Bình Tân đã thông báo hợp lệ về việc công khai chứng cứ là hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số: LD2003900028 ký ngày 08 tháng 02 năm 2020 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký vào ngày

25/6/2018 do nguyên đơn xuất trình, đến tại phiên tòa hôm nay Tòa án nhân dân huyện Bình Tân cũng chưa nhận được chứng cứ nào thể hiện bị đơn phản đối chứng cứ do nguyên đơn đưa ra nên được xem là tình tiết, văn bản mà nguyên đơn không phải chứng minh, được quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông H, bà Vân trả số tiền nợ vốn gốc là 122.029.808 đồng *(Một trăm hai mươi hai triệu không trăm hai mươi chín nghìn tám trăm lẻ tám đồng)* là có căn cứ được chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Trương Thị Thu V và ông Huỳnh Tấn H phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi phát sinh trên số tiền vốn gốc của hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số: LD2003900028 ký ngày 08 tháng 02 năm 2020 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký vào ngày 25/6/2018 , do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký cho nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi suất cho nguyên đơn số tiền lãi tổng cộng là 20.883.693 đồng *(Hai mươi triệu tám trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi ba đồng)* (trong hạn: 14.850.000đ, lãi quá hạn: 5.365.786đ , lãi phạt quá hạn: 667.907đ) và lãi phát sinh được tiếp tục tính từ ngày 13/8/2022 trên dư nợ gốc, đến khi thanh toán xong nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD2003900028 ký ngày 08/02/2020 và Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 25/06/2018 là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Trương Thị Thu V và ông Huỳnh Tấn H phải nộp án phí là 142.913.501 đồng x 5% = 7.145.675 đồng. Nguyên đơn không phải nộp án phí nên hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014

Áp dụng khoản 16 Điều 4, Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng

Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng điểm a, khoản 2, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bà Trương Thị Thu V và ông Huỳnh Tấn H

Buộc bà Trương Thị Thu V và ông Huỳnh Tấn H phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền gốc là 122.029.808 *(Một trăm hai mươi hai triệu không trăm hai mươi chín nghìn tám trăm lẻ tám đồng)* và số tiền lãi là 20.883.693 đồng *(Hai mươi triệu tám trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi ba đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc bà Trương Thị Thu V và ông Huỳnh Tấn H phải nộp số tiền 7.145.675 đồng *(bảy triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm bảy mươi lăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.274.000đồng *(Ba triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn đồng)* theo biên lai thu số: 0013643 ngày 26/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án xử công khai nguyên đơn có mặt có tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng bị đơn bà Vân, ông Hiệp vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND. Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND.H Bình Tân;
- Chi cục THADS.H Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ánh Dương